

**BƯỚC ĐẦU KHẢO SÁT CÂY ĂN QUẢ TRONG VƯỜN,
TRANG TRẠI Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**
A PRELIMINARY STUDY OF FRUIT TREES IN GARDENS AND
FARMS IN DANANG CITY

Nguyễn Huy Bình

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

TÓM TẮT

Hiện nay trên cả nước phong trào trồng cây ăn quả trong vườn và trang trại đang có xu hướng phát triển mạnh vì vấn đề an toàn lương thực đã được đảm bảo. Tuy nhiên các chủ trang trại còn nhiều lúng túng trong chọn cây trồng thích hợp đạt hiệu quả kinh tế cao cho trang trại của mình. Khoảng 15 năm lại đây, thành phố Đà Nẵng đã xuất hiện nhiều mô hình vườn, trang trại, diện tích từ vài ha đến vài chục ha. Qua khảo sát chúng tôi thấy việc thâm canh cây trồng ở các trang trại còn mang tính tự phát, nhất là cây ăn quả. Việc nghiên cứu, định hướng phát triển cây ăn quả có giá trị kinh tế cao trồng trong vườn và trang trại ở Đà Nẵng là một yêu cầu cần thiết

ABSTRACT

At present, the movement of planting fruit trees in gardens and on farms is developing throughout Vietnam as this can ensure food safety. However, farm owners still have problems in choosing appropriate trees which can yield high economic output on their farms. In the past 15 years, new models of gardens and farms having an area of between two and twenty hectares have been established in Danang City. This study shows that in these gardens and farms, intensive farming of trees, especially fruit trees, is still spontaneous. Therefore, researching into the orientation of developing fruit trees of high economic value is necessary for the gardens and farms of Danang City.

1. Đặt vấn đề

Trái cây là một mặt hàng chiếm vị trí kinh tế đáng kể trong thu nhập sản phẩm nông nghiệp. Trước hết, phải khẳng định: trồng cây ăn quả có hiệu quả kinh tế lớn hơn so với trồng nhiều cây khác. Một số công trình điều tra cho thấy thu nhập về cây ăn trái gấp 2 - 4 lần so với lúa trên cùng một đơn vị diện tích. Hiện nay trên cả nước phong trào trồng cây ăn quả trong vườn và trang trại đang có xu hướng phát triển mạnh vì vấn đề an toàn lương thực đã được đảm bảo, thành phố Đà Nẵng hiện có nhiều vườn và trang trại đã và đang hình thành, tuy nhiên các chủ trang trại còn nhiều lúng túng trong chọn cây trồng thích hợp đạt hiệu quả kinh tế cao cho trang trại của mình. Việc trồng cây ăn quả trong thời gian qua ở trang trại còn mang tính tự phát, chưa có tổng kết đánh giá phân tích hiệu quả kinh tế. Khâu chọn giống cây ăn quả thích hợp cho các trang trại phù hợp với điều kiện tiểu khí hậu chưa được nghiên cứu. Việc nghiên cứu, định hướng phát

trồng cây ăn quả có giá trị kinh tế cao trồng trong vườn và trang trại ở Đà Nẵng là một yêu cầu thiết thực nhằm tạo nền móng cho sự phát triển đúng hướng, bền vững nền kinh tế trang trại. Trên thế giới đã có nhiều mô hình vườn, trang trại trồng cây ăn quả cho hiệu quả kinh tế cao hơn các cây trồng khác, R.B. Single (1993), cho biết ở Ấn Độ một nước sản xuất nhiều quả và tiêu thụ phần lớn trong nước, hiệu quả kinh tế của một số cây ăn quả so với một số cây thực phẩm khác cao hơn gấp nhiều lần. Ngày 11/8/1995 tại TP. Hồ Chí Minh trong buổi họp của Thủ tướng Võ Văn Kiệt với lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp Thực phẩm, cùng các nhà khoa học của viện nghiên cứu khoa học đã có nhận định sau: "Nước ta có điều kiện thuận lợi về đất đai và khí hậu để phát triển kinh tế vườn, nhân dân ta có tập quán và kinh nghiệm trồng cây ăn trái, nhưng việc trồng cây ăn trái ở nước ta còn lạc hậu nhiều so với các nước chung quanh". Giáo sư Vũ Công Hậu (1996) trong "*Trồng cây ăn quả ở Việt Nam*" cho rằng: Cần khẳng định nước ta, nhất là miền Nam có điều kiện đặc biệt thuận lợi để trồng cây ăn trái nhiệt đới đặc sản, không thiếu đất tốt thích hợp: đầy đủ nước, nóng quanh năm. Khả năng sản xuất quả nhiệt đới để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu là có thật, miễn là ta phải khắc phục được những điểm yếu, lạc hậu khá nhiều hiện nay trong nghề.

Khoảng 15 năm lại đây, Thành phố Đà Nẵng đã xuất hiện nhiều mô hình vườn, trang trại, diện tích từ vài ha đến vài chục ha, tuy nhiên qua khảo sát chúng tôi thấy việc thâm canh cây trồng ở các trang trại còn mang tính tự phát, nhất là cây ăn quả. Thành phố chưa có chủ trương có hiệu quả giúp các chủ trang trại phát triển kinh tế trang trại. Việc nghiên cứu, định hướng phát triển cây ăn quả có giá trị kinh tế cao trồng trong vườn và trang trại ở Hòa Vang, Đà Nẵng là một yêu cầu cần thiết.

2. Kết quả nghiên cứu khảo sát

2.1. Độ gập cây ăn quả

Trong các nhóm cây trồng, nhóm cây trồng được quan tâm nhất có ý nghĩa kinh tế trong vườn nhà là nhóm cây ăn quả, để biết được qui luật phân bố của nhóm cây này chúng tôi tiến hành khảo sát độ gập của chúng

Độ gập hay thường gập là tỉ số phần trăm (%) số địa điểm lấy mẫu có loài được xét so với địa điểm lấy mẫu trong khu vực nghiên cứu. Độ gập biểu thị bằng công thức sau:

$$C = \frac{P \times 100}{P}$$

Trong đó : p Số lần lấy mẫu có loài được xét
P Tổng số địa điểm thu mẫu

Bảng 1. Độ gặp của cây ăn quả ở vườn nhà Đà Nẵng (theo tỉ lệ %)

| Stt | Tên cây | H. Phú | Đà Nẵng | H.Ninh | Hòa Sơn | Hòa Nhơn |
|-----|--------------|--------|---------|--------|---------|----------|
| <1> | <2> | <3> | <4> | <5> | <6> | <7> |
| 1. | Đào lộn hột | 11.11 | 22.22 | 44.44 | 33.33 | 11.11 |
| 2. | Xoài | 55.56 | 77.78 | 55.56 | 55.56 | 55.56 |
| 3. | Cóc | 11.11 | 44.44 | 44.44 | 11.11 | 11.11 |
| 4. | Dâu da xoan | x | 11.11 | x | 11.11 | x |
| 5. | Mãng cầu xim | 33.33 | x | 33.33 | 33.33 | 11.11 |
| 6. | Mãng cầu, na | 11.11 | 66.67 | 33.33 | 44.44 | 11.11 |
| 7. | Bình bát, nê | 11.11 | 11.11 | 11.11 | x | 11.11 |
| 8. | Sầu riêng | 22.22 | x | 55.56 | x | x |
| 9. | Thanh long | 22.22 | 77.78 | 66.67 | 55.56 | 33.33 |
| 10. | Me | 11.11 | 44.44 | x | 22.22 | 22.22 |
| 11. | Đu đủ | 66.67 | 55.56 | 77.78 | 55.56 | 55.56 |
| 12. | Mãng cụt | x | x | x | 11.11 | x |
| 13. | Dưa hấu | x | 22.22 | 11.11 | 22.22 | x |
| 14. | Dưa gang | 11.11 | 11.11 | x | 22.22 | 11.11 |
| 15. | Dưa chuột | 22.22 | 11.11 | 11.11 | 11.11 | 11.11 |
| 16. | Gấc | 11.11 | x | 11.11 | x | 11.11 |
| 17. | Thị | 11.11 | x | 11.11 | x | x |
| 18. | Hồng | x | x | 22.22 | x | x |
| 19. | Dâu đất | x | x | 22.22 | 11.11 | 11.11 |
| 20. | Chùm ruột | 11.11 | 11.11 | x | 22.22 | 44.44 |
| 21. | Bồ quân | x | x | x | 22.22 | 22.22 |
| 22. | Bơ | 55.56 | 44.44 | 22.22 | 22.22 | 22.22 |
| 23. | Lựu | x | 22.22 | 11.11 | x | x |
| 24. | Bòn bon | x | x | 11.11 | x | x |
| 25. | Xake | x | x | x | 11.11 | x |
| 26. | Chay | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 22.22 | 11.11 |
| 27. | Mít | 66.67 | 22.22 | 88.89 | 77.78 | 44.44 |

| | | | | | | |
|-----|------------|-------|-------|-------|-------|-------|
| 28. | Mít tổ nữ | x | x | x | 22.22 | x |
| 29. | Vả | x | x | x | 11.11 | x |
| 30. | Sung | 11.11 | 11.11 | x | x | 11.11 |
| 31. | Ồi | 44.44 | 66.67 | 66.67 | 33.33 | 55.56 |
| 32. | Gioi, mận | 11.11 | 66.67 | 55.56 | 55.56 | 33.33 |
| 33. | Khế | 22.22 | 22.22 | 55.56 | 22.22 | 22.22 |
| 34. | Táo ta | 11.11 | 11.11 | x | 11.11 | 11.11 |
| 35. | Chanh ta | 55.56 | 33.33 | 22.22 | 22.22 | 22.22 |
| 36. | Chanh tây | 44.44 | 22.22 | 22.22 | 55.56 | 22.22 |
| 37. | Bưởi | 33.33 | 33.33 | 66.67 | 66.67 | 44.44 |
| 38. | Cam sành | 22.22 | x | 33.33 | 11.11 | x |
| 39. | Cam giấy | 22.22 | x | 22.22 | 11.11 | x |
| 40. | Cam chanh | 22.22 | x | x | 11.11 | x |
| 41. | Nhãn | 11.11 | 22.22 | 55.56 | 33.33 | x |
| 42. | Vải | 11.11 | 11.11 | 33.33 | 22.22 | 22.22 |
| 43. | Chôm chôm | 55.56 | x | 77.78 | 33.33 | x |
| 44. | Vú sữa | 44.44 | 55.56 | 66.67 | 77.78 | 55.56 |
| 45. | Hồng xim | x | 33.33 | 55.56 | 22.22 | 55.56 |
| 46. | Trúng gà | 22.22 | 22.22 | 55.56 | 44.44 | 11.11 |
| 47. | Dừa | 22.22 | 22.22 | 33.33 | 22.22 | 44.44 |
| 48. | Dứa ta | 22.22 | 11.11 | 44.44 | 55.56 | 55.56 |
| 49. | Chuối tiêu | 66.67 | 33.33 | 55.56 | 66.67 | 55.56 |
| 50. | Chuối hột | 66.67 | 55.56 | 44.44 | 66.67 | 55.56 |

Ghi chú: x Không phân bố hay không gây trồng

Kết quả ghi nhận về độ gập (C) được trình bày ở Bảng 1 và qua bảng trên chúng tôi nhận thấy: Mỗi loài có độ gập khác nhau ở mỗi vùng. Dựa vào giá trị C chúng tôi lập được bảng sau:

Bảng 2. Độ gập của cây ăn quả ở vườn nhà Đà Nẵng (tính theo giá trị C)

| Stt | Tên cây | Hòa phú | | | Đà Nẵng | | | Hòa Ninh | | | Hòa Sơn | | | Hòa Nhơn | | |
|-----|--------------|---------|----|----|---------|----|----|----------|----|----|---------|----|----|----------|----|----|
| | | C1 | C2 | C3 | C1 | C2 | C3 | C1 | C2 | C3 | C1 | C2 | C3 | C1 | C2 | C3 |
| 1. | Đào lộn hột | x | | | x | | | | x | | | x | | x | | |
| 2. | Xoài | | | x | | | x | | x | | | x | | | | x |
| 3. | Cóc | x | | | | x | | | x | | x | | | x | | |
| 4. | Dâu da xoan | | | | | x | | | | | x | | | | | |
| 5. | Mãng cầu xim | | x | | | | | | x | | | x | | x | | |
| 6. | Mãng cầu, na | x | | | | | x | | x | | | x | | x | | |
| 7. | Bình bát, nê | x | | | | x | | | x | | | | | x | | |
| 8. | Sầu riêng | x | | | | | | | | | x | | | | | |
| 9. | Thanh long | x | | | | | x | | | | x | | x | | x | |
| 10. | Me | x | | | | x | | | | | x | | | x | | |
| 11. | Đu đủ | | | x | | | x | | | | x | | x | | | x |
| 12. | Mãng cụt | | | | | | | | | | | | x | | | |
| 13. | Dưa hấu | | | | | x | | | x | | | | x | | | |
| 14. | Dưa gang | x | | | | x | | | | | | | x | | x | |
| 15. | Dưa chuột | x | | | | x | | | x | | | | x | | x | |
| 16. | Gấc | x | | | | | | | x | | | | | x | | |
| 17. | Thị | x | | | | | | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----|-----------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 18. | Hồng | | | | | | | x | | | | | | | | |
| 19. | Dâu đất | | | | | | | x | | x | | | x | | | |
| 20. | Chùm ruột | x | | | x | | | | | x | | | | | x | |
| 21. | Bồ quân | | | | | | | | | x | | | x | | | |
| 22. | Bơ | | | x | | x | | x | | x | | | x | | | |
| 23. | Lựu | | | | x | | | x | | | | | | | | |
| 24. | Bòn bon | | | | | | | x | | | | | | | | |
| 25. | Sake | | | | | | | | | x | | | | | | |
| 26. | Chay | | | | | | | | | x | | | | | | |
| 27. | Mít | | | x | x | | | | x | | | x | | x | | |
| 28. | Mít tố nữ | | | | | | | | | x | | | | | | |
| 29. | Vả | | | | | | | | | x | | | | | | |
| 30. | Sung | x | | | x | | | | | | | | | x | | |
| 31. | Ổi | | x | | | | x | | x | | x | | | | | x |
| 32. | Gioi, mận | x | | | | | x | | x | | | x | | | x | |
| 33. | Khế | x | | | x | | | | x | x | | | | x | | |
| 34. | Táo ta | x | | | x | | | | | x | | | | x | | |
| 35. | Chanh ta | | | x | | x | | x | | x | | | | x | | |
| 36. | Chanh tây | | x | | x | | | x | | | | | x | | | |
| 37. | Bưởi | | x | | | x | | | x | | | | x | | x | |
| 38. | Cam sành | x | | | | | | | x | | x | | | | | |
| 39. | Cam giấy | x | | | | | | x | | | x | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----|---------------|----|---|---|----|---|---|----|---|----|----|---|----|----|---|---|
| 40. | Cam chanh | x | | | | | | | | | x | | | | | |
| 41. | Nhãn | x | | | x | | | | | x | | x | | | | |
| 42. | Vải | x | | | x | | | | | | x | | | x | | |
| 43. | Chôm chôm | | | | x | | | | | | x | | x | | | |
| 44. | Vú sữa | | x | | | | x | | | | x | | | x | | x |
| 45. | Hồng xim | | | | | | x | | | | x | x | | | | x |
| 46. | Trứng gà | x | | | | x | | | | | x | | x | | x | |
| 47. | Dừa | x | | | | x | | | | x | | x | | | | x |
| 48. | Dứa ta | x | | | | x | | | | x | | | | x | | x |
| 49. | Chuối tiêu | | | | | x | | | | | x | | | x | | x |
| 50. | Chuối hột | | | | | x | | | | x | | | | x | | x |
| | | 24 | 5 | 8 | 18 | 7 | 8 | 12 | 8 | 15 | 24 | 7 | 11 | 18 | 6 | 8 |

Ghi chú: C1 < 25% (các loài gặp ngẫu nhiên)

25% < C2 < 50% (các loài ít gặp)

C3 > 50% (các loài thường gặp)

2.2. Đánh giá mức độ phân bố cây ăn quả ở Đà Nẵng

2.2.1. Các loài cây ăn quả thường gặp (C3 > 50%)

Kết quả trình bày ở bảng 2 cho thấy:

Các loài cây ăn quả thường gặp ở các vườn khu vực Hòa Phú, Đà Nẵng, Hòa Nhơn có 8 loài. Khu vực giàu loài nhất là: Hòa Ninh 15 loài, Hòa Sơn 11 loài, chứng tỏ khu vực Hòa Ninh, Hòa Sơn là khu vực giàu cây ăn quả nhất ở Đà Nẵng. Một số loài điển hình thường trồng là: Xoài, Thanh long, Đu đủ, Mít, Ổi, Mận (gioi), Chanh, Bưởi, Vú sữa, Chuối.

2.2.2. Các loài cây ăn quả ít gặp (25% < C2 < 50%)

Các loài ít gặp ở bảng 2 cho thấy ở Đà Nẵng, Hòa Sơn có 7 loài, Hòa Phú 5 loài, Hòa Ninh 8 loài, Hòa Nhơn 6 loài, tiêu biểu đó như: Đào lộn hột, Mãng cầu xiêm, Khế, Chanh tây, Chôm chôm, Dứa, Dừa, Hồng xiêm, Trứng gà.

2.2.3. Các loài cây ăn quả trồng ngẫu nhiên ($C1 < 25\%$)

Nhóm các cây ăn quả gặp ngẫu nhiên ở vườn nhà ở Đà Nẵng có số lượng loài lớn nhất trong các nhóm cây ăn quả trồng Hòa Phú 24 loài, TP.Đà Nẵng 18 loài, Hòa Ninh 12 loài, Hòa Sơn 24 loài, Hòa Nhơn 18 loài. Các loài ngẫu nhiên đã nói lên tính ít chuyên canh của cây ăn quả tại Đà Nẵng

2.3. Các cây ăn quả tiêu biểu

Qua điều tra cây ăn quả vườn, trang trại ở Đà Nẵng chúng tôi xác định được bảng sau:

Bảng 3. Các loài cây trồng tiêu biểu trong vườn, trang trại ở Đà Nẵng

| Vùng | Các loài cây trồng |
|----------|--|
| Hòa Phú | Xoài, Đu đủ, Bơ, Mít, Chanh ta, Chôm chôm, Chuối tiêu, Chuối hạt. |
| Đà Nẵng | Xoài, Na, Thanh long, Đu đủ, Ổi, Gioi, Vú sữa, Chuối hạt |
| Hòa Ninh | Xoài, Sầu riêng, Thanh long, Đu đủ, Mít, Ổi, Gioi, Khế, Bưởi, Nhãn, Chôm chôm, Vú sữa, Hồng xiêm, Trứng gà, Cau, các loại Chuối. |
| Hòa Sơn | Xoài, Đu đủ, Thanh long, Gioi, Chanh, Bưởi, Vú sữa, Cau, Dứa, các loại Chuối. |
| Hòa Nhơn | Xoài, Đu đủ, Ổi, Vú sữa, Hồng Xiêm, Dứa, các loại Chuối. |

3. Kết luận

Cây ăn quả trồng tại vườn ở thành phố Đà Nẵng nhìn chung đa dạng về chủng loại (50 loài) là vùng giao lưu giữa hai miền Nam – Bắc. Các cây ăn quả trồng ở đây ngoài các cây phổ biến ở miền Nam như: Thanh long, Chôm chôm, Xoài, Mãng cầu xiêm, Cóc, Vú sữa, Sầu riêng, Me; các cây trồng ở miền Bắc cũng gặp nhiều như: Nhãn, Vải, Chanh ta, Gấc. Tuy nhiên cây ăn quả trồng vườn ở Đà Nẵng mang một số yếu tố: Diện tích trồng còn manh mún, chưa phân bố đều ở các xã, thiếu tích chất chuyên canh, cây trồng mang nặng tính tự cung tự cấp, hiệu quả kinh tế vườn chưa được chú ý nhiều, điều kiện khí hậu thổ nhưỡng, tưới tiêu còn nhiều điều kiện bất lợi

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Huy Bình (2003), *Đa dạng thực vật vườn nhà thành phố Đà Nẵng*, Đề tài NCKH cấp ĐHQĐN.
- [2] Vũ Công Hậu (1996), *Trồng cây ăn quả Việt Nam*, NXB Nông nghiệp.
- [3] Phạm Hoàng Hộ (1991-1993), *Cây cỏ Việt Nam*, 2 tập, Montrean.
- [4] Ngô Trục Nhã (1995), *VAC và đời sống*, NXB Nông nghiệp.
- [5] Nguyễn Nghĩa Thìn (1997), *Cẩm nang nghiên cứu đa dạng sinh vật*, NXB Nông nghiệp.